

Số: /TTYT-KD
V/v Đề nghị báo giá hệ thống nội
soi tiêu hóa

Thị xã Chũ, ngày tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2024/NQ-HĐND ngày 08/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 304/TB-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Sơn tại buổi làm việc đề tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-SYT ngày 16/01/2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 1); Quyết định số 1003/QĐ-SYT ngày 31/3/2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 2);

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học ngày tại biên bản họp 20/6/2025.

Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua hệ thống nội soi tiêu hóa của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Đ/c Đỗ Văn Sinh – Giám đốc Trung tâm y tế

Đ/c Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận báo giá trực tiếp (*gửi chuyển phát qua bộ phận văn thư*):

Ông **Đỗ Văn Sinh** – Giám đốc Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn: Số điện thoại liên hệ: **0975.131.407**

Ông Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT: Số điện thoại liên hệ: **0912.524.359**

Địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn, Phường Chũ, thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang.

- Nhận qua địa chỉ hộp thư điện tử của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: **trungtamytelucngan@gmail.com**.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Thời gian nhận báo giá từ ngày **20/6/2025** đến hết **16 giờ 30 phút ngày 04/7/2025**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục, số lượng, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan: Có bản chi tiết kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website: <http://trungtamytelucngan.com>;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA
(Kèm theo văn bản số /TTYT-KD ngày 20/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn)

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống nội soi tiêu hóa (Dạ dày, đại tràng)	I. YÊU CẦU CHUNG 1.1 Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau. 1.2 Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương 1.3 Điện nguồn sử dụng: 220V/ 50Hz. 1.4 Điều kiện hoạt động: + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 30 độ C. + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$. 1.5 Xuất xứ máy chính (bao gồm bộ xử lý hình ảnh và nguồn sáng, dây soi dạ dày, dây soi đại tràng, màn hình): Nhóm quốc gia thuộc G7. II. CẤU HÌNH Hệ thống máy nội soi dạ dày, đại tràng ống mềm kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 hệ thống bao gồm: 2.1 Máy chính, bao gồm: - Bộ xử lý hình ảnh (kèm nguồn sáng tích hợp hoặc tách rời): 01 bộ. - Màn hình y tế: 01 chiếc. - Ống nội soi dạ dày Video: 01 chiếc. - Ống nội soi đại tràng Video: 01 chiếc. 2.2 Thiết bị phụ trợ, bao gồm: - Dụng cụ kiểm tra rò rỉ: 01 chiếc. - Máy hút dịch 2 bình: 01 chiếc. - Máy bơm tưới rửa: 01 chiếc - Dao mổ điện cao tần: 01 chiếc - Hệ thống in trả kết quả: 01 bộ, bao gồm: + Máy tính: 01 cái. + Màn hình LCD: 01 cái. + Máy in màu: 01 cái. - Xe đẩy hệ thống: 01 chiếc. - Kim sinh thiết dạ dày, dùng 1 lần (20 chiếc/hộp): 02 hộp - Kim sinh thiết đại tràng dùng 1 lần (20 chiếc/hộp): 02 hộp - Chổi rửa: 10 chiếc	Hệ thống	01	

		- Hộp ngâm khử khuẩn dây soi: 02 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ. III CHỈ TIÊU KỸ THUẬT 3.1 Máy chính 3.1.1 Bộ xử lý hình ảnh (kèm nguồn sáng tích hợp hoặc tách rời) - Có màn hình điều khiển cảm ứng hoặc nút bấm hoặc tương đương. - Cân bằng trắng: nút bấm điều chỉnh cân bằng trắng hoặc cân bằng trắng tự động - Nguồn sáng tích hợp loại LED ≥ 4 bóng hoặc nguồn sáng tách rời loại Xenon - Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp hoặc chế độ ánh sáng xanh giúp cải thiện quan sát mạch máu và các cấu trúc khác. - Có chức năng dừng hình ảnh. - Có chức năng điều chỉnh độ tương phản. - Có chức năng điều chỉnh độ sáng bằng tay và tự động. - Chức năng gắn kết dây soi vào nguồn sáng và bộ xử lý bằng 01 thao tác duy nhất. - Điều chỉnh tông màu: + Đỏ: ≥ 10 bước. + Xanh: ≥ 10 bước. + Chroma: ≥ 10 bước. - Có chức năng phóng đại điện tử. - Dữ liệu bệnh nhân: ≥ 45 bệnh nhân. - Cài đặt cho người sử dụng: ≥ 20 người. - Có bơm khí. - Tín hiệu đầu ra tối thiểu có: Analog và HD-SDI hoặc tương đương - Có khả năng kết nối với đầu camera cho nội soi ống cứng 3.1.2. Màn hình y tế - Màn hình: LCD hoặc tương đương - Kích thước: ≥ 27 inch - Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixels (Full HD) - Tỷ lệ: 16:9 - Đèn nền LED hoặc tương đương. - Tỷ lệ tương phản: $\geq 1000:1$ - Góc nhìn: $\geq 85^\circ$ - Ngõ vào tín hiệu tối thiểu: Composite, DVI-D, SDI 3.1.3. Ống nội soi dạ dày Video - Có hỗ trợ hình ảnh ánh sáng bước sóng hẹp hoặc bước sóng ngắn tạo ra từ lọc quang học cho phép quan sát các cấu trúc mạch máu và bề mặt với độ tương phản cao.			
--	--	--	--	--	--

	- Trường nhìn: $\geq 140^\circ$. - Trường quan sát: + Độ sâu của trường nhìn tối đa: ≥ 100 mm + Độ sâu của trường nhìn tối thiểu: ≤ 2 mm - Đường kính ngoài đầu ống soi: 9 ± 0.2 mm. - Đường kính ngoài thân ống soi: 9 ± 0.2 mm. - Đường kính bên trong kênh dụng cụ: ≥ 2.8 mm. - Đầu cuối ống soi gồm ≥ 6 thành phần (chỉ tính các thành phần liên quan đến kênh sáng, kênh khí, nước, thấu kính, dụng cụ, tưới nước). - Độ uốn cong của đầu ống soi: + Hướng lên: $\geq 210^\circ$. + Hướng xuống: $\geq 90^\circ$. + Hướng phải: $\geq 100^\circ$. + Hướng trái: $\geq 100^\circ$. - Chiều dài làm việc: ≥ 1030 mm. - Dây soi có kênh bơm rửa vết thương riêng biệt (water jet channel) dùng cho nội soi điều trị. 3.1.4. Ống nội soi đại tràng Video - Đầu cuối ống soi gồm ≥ 6 thành phần (chỉ tính các thành phần liên quan đến kênh sáng, kênh khí, nước, thấu kính, dụng cụ, tưới nước). - Có hỗ trợ hình ảnh ánh sáng bước sóng hẹp hoặc bước sóng ngắn tạo ra từ lọc quang học cho phép quan sát các cấu trúc mạch máu và bề mặt với độ tương phản cao. - Trường nhìn tối đa: $\geq 170^\circ$. - Trường quan sát: + Độ sâu của trường nhìn tối đa ≥ 100 mm. + Độ sâu của trường nhìn tối thiểu ≤ 2 mm ở chế độ thường hoặc ≤ 1.5 mm ở chế độ riêng/đặc biệt. - Đường kính ngoài đầu ống soi: 13 ± 0.2 mm. - Đường kính ngoài thân ống soi: 13 ± 0.2 mm. - Đường kính bên trong kênh dụng cụ: ≥ 3.7 mm. Độ uốn cong của đầu ống soi: + Hướng lên $\geq 180^\circ$. + Hướng xuống $\geq 180^\circ$. + Hướng phải $\geq 160^\circ$. + Hướng trái $\geq 160^\circ$. - Chiều dài làm việc: ≥ 1300 mm. - Chiều dài tổng: ≥ 1655 mm.			
--	--	--	--	--

	- Dây soi có kênh bơm rửa vết thương riêng biệt (water jet channel) dùng cho nội soi điều trị. - Có khả năng điều chỉnh độ cứng. 3. 2. Thiết bị phụ trợ 3. 2.1. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ - Tương thích với các ống soi trên, dùng để kiểm tra rò rỉ 3. 2.2. Máy hút dịch 2 bình - Loại bơm pittông không dầu hoặc tương đương - Áp suất hút tối đa: ≤ -675 mmHg - Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa: ≥ 60 lít/phút - Thể tích bình: ≥ 2000 ml/bình 3.2.3 Máy bơm tưới rửa - Dùng để rửa sạch các chất bẩn trong dạ dày, đại tràng giúp cho trường nhìn rõ ràng, hỗ trợ chẩn đoán cũng như điều trị - Tốc độ bơm tối đa cho kênh dụng cụ: ≥ 700ml/ phút - Tốc độ bơm tối đa cho kênh nước phụ: ≥ 200ml/ phút - Bình nước dung tích ≥ 2 lít 3.2.4 Dao mổ điện cao tần: 01 chiếc - Tần số: ≥ 300kHz - Công suất cắt cực đại: ≥ 120 W -250 Ω - Công suất cực đại ở chế độ BLEND hoặc tương đương: ≥ 90W tại trở kháng 200 Ω - Công suất cực đại ở chế độ FORCED COAG hoặc tương đương: ≥ 80W tại trở kháng 150 Ω - Công suất cực đại ở chế độ SOFT COAG hoặc tương đương: ≥ 60W tại trở kháng 100 Ω - Công suất cực đại ở chế độ BIPOLAR hoặc tương đương: ≥ 40W tại trở kháng 100 Ω 3. 2.5. Hệ thống in trả kết quả - Máy tính cấu hình tối thiểu như sau: - Bộ vi xử lý core i3, tốc độ ≥ 2.5 GHz - RAM ≥ 4 GB - Ổ cứng lưu trữ: ≥ 500 GB - Màn hình LCD ≥ 24 inch - Chuột, bàn phím đi kèm - Máy in màu, tốc độ in tối đa ≥ 15 tờ/phút 3. 2.6. Xe đẩy hệ thống - Có ngăn chứa máy - Có giá treo màn hình, giá treo dây soi - Bánh xe có phanh hãm IV. YÊU CẦU KHÁC			
--	---	--	--	--

		- Bảo hành ≥ 12 tháng sau khi lắp đặt, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. - Thời gian giao hàng ≤ 120 ngày (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). - Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo thiết bị cho kỹ thuật viên và bác sỹ. - Cam kết sản phẩm được phân phối chính thức của nhà sản xuất hoặc được uỷ quyền hợp pháp tại Việt Nam. - Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý về lưu hành đối với thiết bị y tế theo quy định về quản lý thiết bị y tế hiện hành. - Có tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì tiếng Anh + tiếng Việt. - Cam kết cung cấp chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ (CO) và chứng chỉ chất lượng (CQ) kèm theo (có bản gốc và công chứng dịch thuật khi giao hàng).			
--	--	---	--	--	--

Ghi chú:

- Thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục đính kèm là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương.

- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp duy nhất tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.

- Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành (*nếu có*) tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

- Doanh nghiệp báo giá tự cam kết:

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.